TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2026
Về việc:"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" thụ lý số 36/2026/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX- ST, ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự.

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 2006;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

***** Bị đơn: Anh Lê Văn T1 - Sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2024.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, Vợ chồng đã nhiều lần muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay

chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là cháu: Lê Văn Gia B, sinh ngày 29/10/2024. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị T. là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Lê Văn T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tú đã nhận đầy đủ các thủ tục nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn và không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 3 năm 2026, đại diện Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T) cấp ngày 07/10/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là gì thì do chị T và anh T1 không báo cáo chính quyền địa phương và cũng không làm đơn gửi chính quyền địa phương yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nên không địa phương không nắm được. Hiện nay anh T1 vẫn đang chung sống cùng bố mẹ ruột tại thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu: Lê Văn Gia B, sinh ngày 29/10/2024. Hiện cháu Gia B khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống chung với chị T tại thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay chị T và anh T1 đều là lao động tự do, thu nhập của chị T và anh T1 là bao nhiêu một tháng thì chính quyền địa phương không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228, 273 BLTTDS; Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

+ Về con chung: Căn cứ Điều Điều 81, 82, 83 LHNGĐ giao cháu Lê Văn Gia B cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tú có trách nhiệm thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2024. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, Chị T đã nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

[3] Về con chung: vợ chồng có 1 con chung là Lê Văn Gia B, sinh ngày 29/10/2024. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh T1 đã nhận và biết được yêu cầu khởi kiện của chị T, tuy nhiên anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh T1 về phần con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Văn Gia B chưa được 36 tháng tuổi và để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T đề nghị nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy chị T đi làm có thu nhập đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Văn Gia B, sinh ngày 29/10/2024 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Anh Lê Văn T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001083, ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thanh Hóa. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
- VKS Khu vực 3
- Phòng thi hành án DS Khu vực 3;
- UBND xã Thiệu Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đặng Thanh Tuấn